

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tràng An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tràng An được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6238/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103005601 ngày 01 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 03/9/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với mã số doanh nghiệp là 0100102911.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến các sản phẩm từ sữa;
- Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, socola và mút kẹo;
- Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán bánh kẹo và các sản phẩm công nghiệp thực phẩm - vi sinh khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi, lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Quảng cáo;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư kỹ thuật ngành công nghiệp thực phẩm, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, chế tạo, xây lắp đặt máy thiết bị chuyên ngành công nghiệp thực phẩm;
- Kinh doanh các loại vật tư, nguyên liệu, hương liệu, phụ gia, thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm - vi sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 30 phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 22.200.000.000 đồng, tương đương với 2.220.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Doãn Thịnh Đạt	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/04/2016
Ông Trịnh Sỹ	Phó chủ tịch HĐQT	
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Thành viên HĐQT	
Ông Bùi Ngọc Vinh	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Đăng Dũng	Thành viên HĐQT	

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Tuấn Tú	Trưởng ban
Bà Lý Minh Hiền	Thành viên
Bà Lê Thị Hồng Nga	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Sỹ	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Sỹ	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Sỹ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2017

Số: 064/2017/BCKT-PB.00019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tràng An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tràng An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tràng An tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau:

Tại thời điểm 31/12/2016, nợ ngắn hạn của Công ty là 102.495.211.071 đồng và tài sản ngắn hạn là 53.258.967.404 đồng. Như vậy, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 49.236.243.667 đồng. Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và hoạt động kinh doanh của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 9.4



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

– CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2017

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.258.967.404	51.632.758.077
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.052.273.616	6.744.603.734
1. Tiền	111		12.052.273.616	6.744.603.734
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.630.389.937	11.043.868.211
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3.1	7.726.802.709	4.027.494.097
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4.1	1.444.411.343	2.551.147.289
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	2.484.881.571	4.465.226.825
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.705.686)	-
IV/ Hàng tồn kho	140		29.053.627.305	31.619.383.401
1. Hàng tồn kho	141	5.6	29.053.627.305	31.619.383.401
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		522.676.546	2.224.902.731
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		486.383.574	2.196.599.440
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	8.711.280
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	36.292.972	19.592.011
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.625.823.838	173.905.009.638
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		123.311.655.270	133.496.716.251
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	123.208.099.206	133.352.811.039
- Nguyên giá	222		220.690.607.476	217.617.173.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.482.508.270)	(84.264.362.562)
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	103.556.064	143.905.212
- Nguyên giá	228		322.793.180	322.793.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(219.237.116)	(178.887.968)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	148.625.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	148.625.455
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	9.118.600.329	9.300.790.121
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.060.000.000	3.060.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.600.000.000	6.600.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(541.399.671)	(359.209.879)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		29.195.568.239	30.958.877.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	29.195.568.239	30.958.877.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		214.884.791.242	225.537.767.715

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2016	01/01/2016
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		108.884.810.971	121.202.023.321
I/ Nợ ngắn hạn	310		102.495.211.071	101.050.279.927
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	45.600.422.944	47.283.156.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	82.754.146	3.806.626.987
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.867.424.459	2.921.908.964
4. Phải trả người lao động	314		4.559.988.963	4.868.882.705
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		138.470.206	81.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.039.193.429	2.249.000.972
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	46.125.755.504	39.725.527.746
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		81.201.420	114.175.583
II/ Nợ dài hạn	330		6.389.599.900	20.151.743.394
1. Phải trả dài hạn khác	337		54.600.000	54.600.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	6.334.999.900	20.097.143.394
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.999.980.271	104.335.744.394
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.16	105.999.980.271	104.335.744.394
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.200.000.000	22.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.200.000.000	22.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		80.322.751.514	8.422.751.514
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.477.228.757	73.712.992.880
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.027.124.911	718.348.898
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.450.103.846	72.994.643.982
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		214.884.791.242	225.537.767.715



Trịnh Sỹ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hào
Kê toán trưởng

Trịnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	257.435.678.372	205.681.178.399
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.272.205.124	9.970.481.415
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		240.163.473.248	195.710.696.984
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	218.834.503.185	171.353.289.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.328.970.063	24.357.407.214
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.423.696.503	2.459.293.159
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.254.313.709	6.357.333.800
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.063.791.734	6.375.129.268
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.131.167.970	4.972.920.940
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.513.204.620	13.735.429.406
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.853.980.267	1.751.016.227
11. Thu nhập khác	31	6.6	332.999.160	95.280.097.817
12. Chi phí khác	32	6.7	1.165.538.558	3.077.308.972
13. Lợi nhuận khác	40		(832.539.398)	92.202.788.845
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.021.440.869	93.953.805.072
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	571.337.023	20.959.161.090
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.450.103.846	72.994.643.982
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9.1	1.026	32.847
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9.2	1.026	32.847



Trịnh Sỹ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	256.792.759.920	242.157.109.003
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(193.067.978.840)	(177.726.483.328)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(34.356.282.425)	(28.943.728.271)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.006.321.528)	(6.447.702.120)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(1.120.108.775)	(20.538.172.529)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.595.645.837	9.441.976.571
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.327.795.337)	(11.508.852.117)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.509.918.852	6.434.147.209
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.933.087.349)	(6.157.936.389)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.414.024.115	570.091.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.519.063.234)	(5.587.844.935)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	137.605.495.356	117.399.155.546
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(144.967.411.092)	(123.366.787.842)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(321.270.000)	(963.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.683.185.736)	(6.931.442.296)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.307.669.882	(6.085.140.022)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.744.603.734	12.829.743.756
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.052.273.616	6.744.603.734



Trịnh Sỹ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trăng An được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6238/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103005601 ngày 01 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 03/9/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với mã số doanh nghiệp là 0100102911.

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 30, Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 22.200.000.000 đồng, tương đương với 2.220.000 cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103005601 thay đổi lần 3- ngày 03/9/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Chế biến các sản phẩm từ sữa;
- Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, socola và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán bánh kẹo và các sản phẩm công nghiệp thực phẩm - vi sinh khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi, lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Quảng cáo;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư kỹ thuật ngành công nghiệp thực phẩm, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, chế tạo, xây lắp đặt máy thiết bị chuyên ngành công nghiệp thực phẩm;
- Kinh doanh các loại vật tư, nguyên liệu, hương liệu, phụ gia, thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm - vi sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.../.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2016, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Trăng An.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác gồm các chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại điều lệ Công ty.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty/ đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trăng An	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà	Công ty mẹ

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.000.412.727	420.829.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.051.860.889	6.323.774.355
Cộng	12.052.273.616	6.744.603.734

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.060.000.000	-	3.060.000.000	3.060.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trăng An	3.060.000.000	-	3.060.000.000	3.060.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	6.600.000.000	(541.399.671)	6.058.600.329	6.240.790.121
Công ty CP Bánh kẹo Trăng An 2	5.100.000.000	(541.399.671)	4.558.600.329	4.740.790.121
Công ty CP Bánh kẹo Trăng An 3	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	9.660.000.000	(541.399.671)	9.118.600.329	9.300.790.121

Chi tiết các khoản đầu tư

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP
				Tỷ lệ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Trăng An	306.000	24,29%	24,29%	24,29%
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Bánh kẹo Trăng An 2	510.000	11,82%	11,82%	11,82%
Công ty CP Bánh kẹo Trăng An 3	180.000	5,00%	5,00%	5,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch với Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tràng An	234.008.316.091	204.692.278.821
- Doanh thu bán thành phẩm	765.000.000	-
- Cổ tức nhận trong năm		
5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng		
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Thương Mại Tràng An	4.893.553.826	3.635.702.471
Công ty cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 Việt Nam	333.158.422	118.612.191
Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2- Việt Nam	2.051.556.088	-
Đối tượng khác	448.534.373	273.179.435
Cộng	7.726.802.709	4.027.494.097
5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Kỹ Thuật Kim Hồng	382.398.500	
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại AAA Việt Nam	398.750.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	300.000.000	
Công ty cổ phần bánh kẹo Tràng An 2- Việt Nam		1.994.356.061
Shining Hwa Enterprise Co. Ltd		259.941.260
Đối tượng khác	363.262.843	296.849.968
Cộng	1.444.411.343	2.551.147.289
5.5 Phải thu ngắn hạn khác		
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.356.000.000	1.357.200.000
Phải thu của người lao động	658.883.310	
Tiền tạm ứng cho CBNV	340.893.669	250.378.669
Phải thu khác	129.104.592	2.857.648.156
Cộng	2.484.881.571	4.465.226.825

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.605.278.222	-	20.216.351.764	-
Công cụ, dụng cụ	1.762.268.481	-	1.447.442.796	-
Thành phẩm	9.684.276.823	-	9.888.062.157	-
Hàng hoá	1.803.779	-	67.526.684	-
Cộng	29.053.627.305	-	31.619.383.401	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	213.000.000	
Chi phí quảng cáo ngắn hạn	206.677.979	2.117.003.162
Các khoản khác	66.705.595	79.596.278
Cộng	486.383.574	2.196.599.440

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	681.544.941	1.447.650.295
Chi phí thuê đất khu công nghiệp Thạch Thất	27.877.704.748	28.557.648.760
Các khoản khác	636.318.550	953.578.756
Cộng	29.195.568.239	30.958.877.811

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tô 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	91.536.802.912	112.622.466.270	5.081.377.389	8.376.527.030	217.617.173.601
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	584.138.103	2.489.295.772	-	-	3.073.433.875
Tăng khác	91.247.272	7.854.106.512	-	-	7.945.353.784
Giảm khác	-	-	(7.945.353.784)	-	(7.945.353.784)
Số dư tại 31/12/2016	92.212.188.287	122.965.868.554	5.081.377.389	431.173.246	220.690.607.476
GIÁ TRỊ HAO MÓN					
Số dư tại 01/01/2016	5.085.830.959	70.516.278.437	2.399.625.867	6.262.627.299	84.264.362.562
Khấu hao trong năm	2.608.884.055	9.794.379.453	746.682.192	68.200.008	13.218.145.708
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	5.994.892.937	-	(5.994.892.937)	5.994.892.937
Số dư tại 31/12/2016	7.694.715.014	86.305.550.827	3.146.308.059	335.934.370	97.482.508.270
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2016	86.450.971.953	42.106.187.833	2.681.751.522	2.113.899.731	133.352.811.039
Số dư tại 31/12/2016	84.517.473.273	36.660.317.727	1.935.069.330	95.238.876	123.208.099.206

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 97.792.575.887 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.585.099.218 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	-	-	322.793.180	-	322.793.180
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	-	-	322.793.180	-	322.793.180
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2016	-	-	178.887.968	-	178.887.968
Khấu hao trong năm	-	-	40.349.148	-	40.349.148
Số dư tại 31/12/2016	-	-	219.237.116	-	219.237.116
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2016	-	-	143.905.212	-	143.905.212
Số dư tại 31/12/2016	-	-	103.556.064	-	103.556.064

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tô 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	31/12/2016 VND
Mua sắm TSCĐ		1.358.478.757	1.358.478.757		-
Xây dựng cơ bản	148.625.455	628.208.718	776.834.173	-	-
Nhà xưởng sản xuất chính	94.080.000	207.141.818	301.221.818		-
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	54.545.455	421.066.900	54.545.455		-
Hệ thống điều hòa		180.535.225	421.066.900		-
Sửa chữa lớn TSCĐ				180.535.225	-
	148.625.455	2.167.222.700	2.135.312.930	180.535.225	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.11.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty TNHH Khải Minh	3.059.924.780	2.092.525.200
Công ty TNHH PT Thương Mại và dịch vụ Mai Lâm	2.255.580.000	2.969.400.000
Công ty TNHH Đức Anh	4.319.674.455	3.591.519.995
Công ty cổ phần bao bì Liksin Phương Bắc	3.121.092.245	4.684.316.503
Công ty cổ phần thực phẩm Minh Dương	3.717.440.350	3.192.016.767
Đối tượng khác	29.126.711.114	30.753.378.505
Cộng	45.600.422.944	47.283.156.970

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không có các khoản nợ quá hạn thanh toán. Công ty có đủ khả năng chi trả các khoản nợ phải trả người bán.

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty cổ phần bánh kẹo Trăng An 2- Việt Nam	-	3.806.317.148
Công ty TNHH SX-TM-DV Bao bì nhựa Trung Sơn	29.480.036	
Công ty cổ phần Dược Phẩm Việt Đức	49.636.780	
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại AAA Việt Nam	3.318.018	
Đối tượng khác	319.312	309.839
Cộng	82.754.146	3.806.626.987

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

5.13.1 Phải nộp

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.801.800.189	9.376.407.511	8.882.120.264	2.296.087.436
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		546.164.055	546.164.055	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.120.108.775	571.337.023	1.120.108.775	571.337.023
Cộng	2.921.908.964	10.493.908.589	10.548.393.094	2.867.424.459

5.13.2 Phải thu

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	19.592.011	227.962.412	244.663.373	36.292.972
Cộng	19.592.011	227.962.412	244.663.373	36.292.972

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	764.316.427	721.162.690
Bảo hiểm xã hội	817.796.700	269.704.706
Bảo hiểm thất nghiệp	53.613.000	17.933.196
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.378.920.000	1.034.190.000
Phải trả phải nộp khác	24.547.302	206.010.380
Cộng	3.039.193.429	2.249.000.972

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không có các khoản nợ phải trả khác quá hạn không thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Công thương - CN Nam Thăng Long	39.119.715.977	39.119.715.977	102.596.153.668	63.476.437.691	-	-
Ngân hàng Agribank - CN Hoàng Mai	-	-	25.009.341.688	64.444.869.434	39.435.527.746	39.435.527.746
	-	-	-	290.000.000	290.000.000	290.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.006.039.527	7.006.039.527	7.006.039.527	-	-	-
Ngân hàng Agribank - CN Hoàng Mai	399.000.000	399.000.000	399.000.000	-	-	-
Ngân hàng VP Bank	162.000.000	162.000.000	162.000.000	-	-	-
Ngân hàng Công thương	6.445.039.527	6.445.039.527	6.445.039.527	-	-	-
Cộng	46.125.755.504	46.125.755.504	134.611.534.883	128.211.307.125	39.725.527.746	39.725.527.746

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long theo hợp đồng số 22/2016-HĐTĐHM/NHCT140-TRANGAN, thời gian vay không quá 06 tháng, lãi suất 7%/năm được điều chỉnh trên giấy nhận nợ với hạn mức vay là 40.000.000.000 đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Agribank - CN Hoàng Mai <1>	399.000.000	399.000.000		12.947.831.867	13.346.831.867	13.346.831.867
Ngân hàng VP Bank <2>	136.000.000	136.000.000		324.000.000	460.000.000	460.000.000
Ngân hàng Công thương <3>	5.799.999.900	5.799.999.900	10.000.000.000	10.490.311.627	6.290.311.527	6.290.311.527
Cộng	6.334.999.900	6.334.999.900	10.000.000.000	23.762.143.494	20.097.143.394	20.097.143.394

<1> Khoản vay ngân hàng Agribank – CN Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 1240LAV201300406/HĐTĐ ngày 31/12/2013 và hợp đồng số 1240LAV201400189 ngày 30/05/2014. Các hợp đồng vay có thời hạn vay 60 tháng với lãi suất vay là 12%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích khoản vay là đầu tư xây dựng nhà máy và mua xe ô tô đưa đón nhân viên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai. Giá trị khoản vay tại 31/12/2016 là 798.000.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 399.000.000 đồng.

<2> Khoản vay Ngân hàng VP Bank theo hợp đồng tín dụng số 020113-95622-01-SME ngày 4/10/2013 có thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 12,8% được điều chỉnh 3 tháng/lần. Mục đích khoản vay để đầu tư xe ô tô Toyota Hiace 16 chỗ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai. Giá trị khoản vay tại 31/12/2016 là 298.000.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 162.000.000 đồng.

<3> Khoản vay Ngân hàng Vietinbank theo các hợp đồng tín dụng số 12.77.0005/HĐTĐ ngày 26 tháng 11 năm 2012 và hợp đồng tín dụng số 86/2016-HĐTĐA/NHCT140-TRANGAN ngày 15 tháng 9 năm 2016. Các hợp đồng có thời hạn vay từ 32 – 60 tháng với lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Mục đích khoản vay nhằm đầu tư tái tài trợ cho các chi phí hợp lý xây dựng nhà máy bánh kẹo. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng lô đất và tài sản trên đất tại Lô CN6, KCN Thạch Thất, Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2016 là 12.245.039.427 đồng trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 6.445.039.527 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2015	22.200.000.000		8.007.163.309	3.411.411.079	33.618.574.388
Lãi trong năm trước				72.994.643.982	72.994.643.982
Tặng khác				11.437.767	11.437.767
Chia cổ tức				(1.998.000.000)	(1.998.000.000)
Trích lập quỹ			415.588.205	(706.499.948)	(290.911.743)
Số dư tại 31/12/2015	22.200.000.000	-	8.422.751.514	73.712.992.880	104.335.744.394
Số dư tại 01/01/2016	22.200.000.000	-	8.422.751.514	73.712.992.880	104.335.744.394
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.450.103.846	2.450.103.846
Chia cổ tức				(666.000.000)	(666.000.000)
Trích lập quỹ			71.900.000.000	(71.974.425.837)	(74.425.837)
Giảm khác				(45.442.132)	(45.442.132)
Số dư tại 31/12/2016	22.200.000.000	-	80.322.751.514	3.477.228.757	105.999.980.271

Trích lập các quỹ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016:

	Năm 2016
	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	71.900.000.000
Trích quỹ thường ban điều hành	21.264.525
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	53.161.312

Ghi chú: Quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà	11.491.000.000	51,76%	11.491.000.000	51,76%
Trịnh Sỹ	2.562.500.000	11,54%	2.562.500.000	11,54%
Nguyễn Thị Kim Dung	1.633.300.000	7,36%	1.633.300.000	7,36%
Đoàn Hương Sơn	2.553.460.000	11,50%	2.553.460.000	11,50%
Cổ đông khác	3.959.740.000	17,84%	3.959.740.000	17,84%
Cộng	22.200.000.000	100%	22.200.000.000	100%

5.16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	22.200.000.000	22.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	22.200.000.000	22.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	666.000.000	1.998.000.000

5.16.4 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.220.000	2.220.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.220.000	2.220.000
Cổ phiếu phổ thông	2.220.000	2.220.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.220.000	2.220.000
Cổ phiếu phổ thông	2.220.000	2.220.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	257.435.678.372	205.681.178.399
Cộng	257.435.678.372	205.681.178.399

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số 5.2.1, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm giá hàng bán	14.871.322.182	8.295.120.680
Hàng bán bị trả lại	2.400.882.942	1.675.360.735
Cộng	17.272.205.124	9.970.481.415

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	218.834.503.185	171.353.289.770
Cộng	218.834.503.185	171.353.289.770

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.824.115	34.531.454
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.356.000.000	1.762.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.872.388	6.172.947
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	656.388.758
Cộng	1.423.696.503	2.459.293.159

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	5.063.791.734	6.375.129.268
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.332.183	45.254.256
Dự phòng tổn thất đầu tư	182.189.792	(77.742.384)
Chi phí tài chính khác	-	14.692.660
Cộng	5.254.313.709	6.357.333.800

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	119.961.232	137.043.802
Chi phí vật liệu, bao bì	38.128.267	39.986.906
Chi phí bằng tiền khác	2.973.078.471	4.795.890.232
Cộng	3.131.167.970	4.972.920.940

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.619.778.151	8.884.632.838
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.383.340	663.871.456
Chi phí khấu hao TSCĐ	864.355.068	844.549.568
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	25.705.686	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.754.996	460.684.500
Chi phí bằng tiền khác	2.542.421.364	2.878.691.044
Cộng	10.513.204.620	13.735.429.406

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ hỗ trợ di dời dự án	-	95.202.918.263
Các khoản khác	332.999.160	77.179.554
Cộng	332.999.160	95.280.097.817

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.9 Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản bị phạt	45.083.081	3.077.308.972
Các khoản khác	1.120.455.477	-
Cộng	1.165.538.558	3.077.308.972

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.021.440.869	93.953.805.072
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác	(164.755.756)	1.315.108.972
Các khoản điều chỉnh tăng	1.191.244.244	3.077.308.972
<i>Chi phí dự phòng</i>	25.705.686	
<i>Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế</i>	45.083.081	3.077.308.972
<i>Các khoản khác</i>	1.120.455.477	
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.356.000.000)	(1.762.200.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.356.000.000)	(1.762.200.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	2.856.685.113	95.268.914.044
Chi phí thuế TNDN hiện hành	571.337.023	20.959.161.090

6.11 Lãi trên cổ phiếu

6.11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.450.103.846	72.994.643.982
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(171.507.269)	(74.425.837)
<i>Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(171.507.269)	(74.425.837)
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.278.596.577	72.920.218.145
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.220.000	2.220.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.026	32.847

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.11.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.450.103.846	72.994.643.982
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(171.507.269)	(74.425.837)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<i>Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(171.507.269)	(74.425.837)
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.278.596.577	72.920.218.145
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.220.000	2.220.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.026	32.847

Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được tạm tính theo điều lệ Công ty gồm 5% quỹ khen thưởng phúc lợi và 2% cho Ban điều hành.

6.11.3 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.776.363.421	132.087.728.420
Chi phí nhân công	38.970.417.642	33.027.767.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.258.494.856	12.298.604.566
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.922.632.291	7.923.126.284
Chi phí khác bằng tiền	5.670.827.614	8.124.176.496
Cộng	221.601.735.824	193.464.403.140

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	127.599.255.693	117.399.155.546
Cộng	127.599.255.693	117.399.155.546

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	134.964.411.092	123.366.787.842
Cộng	134.964.411.092	123.366.787.842

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trọng chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	46.125.755.504	6.334.999.900	-	52.460.755.404
Phải trả người bán và phải trả khác	48.639.616.373	54.600.000	-	48.694.216.373
Cộng	94.903.842.083	6.389.599.900	-	101.293.441.983
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	39.725.527.746	20.097.143.394	-	59.822.671.140
Phải trả người bán và phải trả khác	49.532.157.942	54.600.000	-	49.586.757.942
Cộng	89.338.685.688	20.151.743.394	-	109.490.429.082

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN
 Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.052.273.616	-	6.744.603.734	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.211.684.280	(25.705.686)	8.492.720.922	-
Đầu tư tài chính	9.660.000.000	(541.399.671)	9.660.000.000	(359.209.879)
	31.923.957.896	(567.105.357)	24.897.324.656	(359.209.879)
			31.356.852.539	24.538.114.777
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	52.460.755.404		59.822.671.140	
Phải trả người bán và phải trả khác	48.694.216.373		49.586.757.942	
	101.154.971.777		109.409.429.082	
			101.154.971.777	109.409.429.082

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀNG AN
Địa chỉ: Tổ 30 Phùng Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành	1.427.163.930
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản thưởng khác	376.500.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.2.1. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bánh kẹo tại Hà Nội. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất và khu vực địa lý.

9.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2016, nợ ngắn hạn của Công ty là 102.495.211.071 đồng và tài sản ngắn hạn là 53.258.967.404 đồng. Như vậy, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 49.236.243.667 đồng. Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã thận trọng đánh giá để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới của Công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ thực hiện các giải pháp duy trì thị phần các mặt hàng truyền thống đồng thời phát triển thêm một số sản phẩm bánh kẹo mới nhằm mở rộng thị phần, nâng cao doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty tiếp tục hoạt động tốt trong thời gian tới và sẽ từng bước cơ cấu các khoản nợ để bảo đảm khả năng thanh toán của Công ty

Ngoài vấn đề nêu trên, không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG AN

Địa chỉ: Tổ 30 Phường Chí Kiên, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Trịnh Sỹ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu